

Đạy và rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên

PGS.TSKH. BÙI LOAN THÙY

Việc dạy và tăng cường rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện cho SV là hết sức cần thiết. Môn học kỹ năng Tư duy phản biện sẽ giúp SV trưởng thành nhanh về mặt nhận thức, sẽ cởi mở hơn với các quan điểm khác nhau, tự khắc phục được sự thiên vị và khuynh hướng thiên lệch trong tư duy của bản thân, có khả năng giám sát các cảm giác và cảm xúc của bản thân và hiểu cảm xúc của người khác, có khả năng sử dụng các thông tin nhằm định hướng suy nghĩ và hành động của mình.

Từ khóa: Sinh viên, đào tạo đại học, dạy kỹ năng, tư duy phản biện, nhận thức, quan điểm, cảm xúc

1. Lợi ích

Tư duy phản biện rất quan trọng trong đào tạo bậc đại học. Hiện nay một số ít trường đại học ở VN đã đưa vào chương trình chính khóa để giảng dạy vì rất nhiều lý do. Có thể kể ra một số lợi ích chính mà kiểu tư duy này mang lại cho SV như:

1.1. Giúp SV vượt ra khỏi cách suy nghĩ theo khuôn mẫu, thói quen, truyền thống có sẵn đã định hình từ bậc học phổ thông. Với tinh thần phản biện SV sẽ vượt khỏi những quan niệm truyền thống, cố gắng hướng đến cái mới trong khoa học, thoát ra khỏi những rào cản của định kiến trong suy nghĩ, nỗ lực tìm cách tiếp cận mới. Sinh viên sẽ tập trung tìm hiểu những ý tưởng mới hoặc tìm cách phát hiện những giá trị mới của những vấn đề tưởng như đã là muôn thừa, cũ kỹ. Tâm thế của họ sẵn sàng hơn để tiếp nhận cái mới, cái tiến bộ trong suy nghĩ, trong cuộc sống. Khi có



ý thức rõ ràng trong việc phải nhìn nhận mọi vấn đề dưới góc nhìn mới, chắc chắn sẽ đưa lại những kết quả khác, mới lạ, có tính sáng tạo cao. Vì vậy, nếu rèn luyện SV suy nghĩ theo lối phản biện sẽ kích thích khả năng sáng tạo trong tư duy của họ.

1.2. Giúp SV suy nghĩ một vấn đề theo nhiều chiều hướng khác nhau với những cách giải quyết khác nhau. Do đó SV sẽ có cái nhìn đa chiều trước một vấn đề cần giải quyết trong cuộc sống,

trong khoa học, trong học tập, tránh được hiện tượng nhìn nhận xem xét vấn đề một chiều, phiến diện. Như vậy, sau khi tốt nghiệp đi làm SV có thể suy nghĩ để giải quyết mọi vấn đề theo hướng xem xét kỹ mọi góc độ, mọi khía cạnh, đưa ra nhiều phương án khác nhau và lựa chọn được phương án tối ưu với những lập luận có cơ sở vững chắc.

1.3. Tư duy phản biện giúp SV có ý thức rõ ràng hơn trong việc lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác trong lúc tranh luận, giảm tự ái (nếu có) và sẵn sàng chấp nhận sự thật hơn, cho dù có thể sự thật đó không làm bản thân cảm thấy hài lòng, thậm chí đôi khi cảm thấy bị xúc phạm. Có tư duy phản biện SV sẽ phát triển khả năng lắng nghe các ý kiến khác với ý kiến của mình và cố gắng tìm hiểu sự thật, tìm hiểu bản chất của vấn đề để thấu hiểu vấn đề trước khi đưa ra kết luận về vấn đề đó.

Sinh viên sẽ dám thừa nhận cái sai của mình, sẵn sàng hơn khi thừa nhận cái đúng của người khác và vì vậy dễ thiết lập được quan hệ tốt với mọi người.

1.4. Tư duy phản biện giúp cho SV – với tư cách là chủ thể tư duy có phương pháp tư duy độc lập, nhìn ra những hạn chế và những sai lầm dễ mắc phải trong quá trình tư duy của chính mình, từ đó giúp SV đưa ra những nhận định, phán đoán tối ưu nhất có thể có. Ngoài ra SV sẽ nhận thức được rằng có nhiều ý tưởng là điều rất tốt nhưng quan trọng hơn là việc thực hiện ý tưởng có khả thi hay không?, làm thế nào để thực hiện được ý tưởng đó?....

1.5. Tư duy phản biện giúp cho SV suy nghĩ theo hướng tích cực, giảm được trạng thái tâm lý buồn rầu, thất vọng, chán đời, mất lòng tin khi gặp thất bại trong cuộc sống, trong học tập, trong các mối quan hệ.... Khi từng SV đều suy nghĩ theo hướng tích cực, họ sẽ tự khám phá những tiềm năng vốn có trong bản thân mình và những tiềm năng này khi được khám phá, khai thác sẽ trở thành “nội lực” giúp từng cá thể vượt lên chính mình, tự khẳng định mình, góp phần hình thành nhân cách tự chủ, độc lập và sáng tạo.

1.6. Tư duy phản biện giúp SV nỗ lực cập nhật, chất lọc được thông tin cần thiết, có giá trị, bổ ích cho bản thân trong một biển thông tin rộng lớn. Từ đó nâng cao kỹ năng tiếp cận mọi nguồn tin, tra cứu tìm tin và kỹ năng xử lý thông tin, trình bày vấn đề một cách sáng tạo, định vị luận điểm/ luận cứ một cách rõ ràng. Việc học và rèn luyện tư duy phản biện một cách tích cực sẽ hỗ trợ quá trình tiêu hóa kiến thức của SV, giúp

SV suy nghĩ độc lập, tư duy theo hướng mở, nhận thức mọi vấn đề một cách rõ ràng hơn, tập lập luận với những dẫn chứng đáng tin cậy, biết phân tích, phân loại, tổng hợp, so sánh, đánh giá, từ đó suy nghĩ chín chắn hơn, tự ra quyết định và hành động.

2. Mức độ nhận thức

Đối với môn học Kỹ năng Tư duy phản biện, trong quá trình giảng dạy và huấn luyện SV, người giảng viên cần đặc biệt lưu ý đến mức độ nhận thức của từng SV là rất khác nhau để lựa chọn được phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao dần khả năng nhận thức của cá thể người học.

Nhận thức của SV liên quan đến tư duy phản biện trong thời kỳ học đại học có mức độ cao thấp khác nhau ¹.

2.1. Mức độ thấp nhất

Sinh viên lĩnh hội kiến thức, nhận diện vấn đề bằng cách nghe, quan sát để phát hiện ra các nguyên tắc, quy tắc, nguyên lý, quy luật. Sinh viên chỉ quan tâm học thuộc lòng những kiến thức mới dưới dạng sự kiện do người thầy cung cấp. Với mức độ này SV sẽ bức xúc nếu người thầy đưa ra những câu trả lời có điều kiện, hoặc là không trả lời mà lại đặt ra những câu hỏi khác. Nhận thức của SV dừng lại ở cấp độ “Biết” nghĩa là có thể nhớ lại hoặc nhận diện vấn đề đã học, có thể xác định được các khái niệm, liệt kê được những nội dung chính và liên quan đến khái niệm đó. Ở mức độ thấp, SV chưa có tư duy phản biện.

2.2. Mức độ trung bình

Sinh viên có thể bắt chước, thực

hành làm theo mẫu của người thầy đưa ra và khi thực hiện các thao tác theo mẫu có thể điều chỉnh, thay đổi, sửa đổi mẫu để sử dụng trong hoạt động thường ngày. Sinh viên bắt đầu nhận thức ra rằng có thể có những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề và có thể có những quan điểm hoàn toàn đối lập nhau. Sinh viên cảm thấy đủ sức để tự mình suy nghĩ, để đặt lại vấn đề về những kiến thức do người thầy truyền đạt. Tuy nhiên, nhiều SV còn yếu về lập luận khi đánh giá những cái nhìn khác nhau và gặp khó khăn khi người thầy đòi hỏi SV đưa ra những lập luận nhằm khẳng định quan điểm riêng của mình. Ở mức độ này SV thường cho rằng đánh giá của người thầy đối với cá nhân mình hoàn toàn mang tính chủ quan. Nhận thức của SV ở mức độ trung bình đã nâng lên cấp độ “Hiểu” và “Vận dụng” nghĩa là có thể hiểu nghĩa của thông tin dựa vào kiến thức học trước đó, có thể mô tả, giải thích, làm rõ được vấn đề và có khả năng sử dụng tri thức để hoàn thành nhiệm vụ với một sự chỉ dẫn nhất định, có thể tính toán, sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Ở mức độ trung bình, SV có thể có tinh thần phản biện.

2.3. Mức độ khá

Sinh viên bắt đầu có ý thức chọn lọc (có thể thực hiện mẫu đã sửa đổi một cách thành thạo, hiệu quả hơn) và có khả năng thực hiện hoạt động theo các cách khác nhau, phát triển theo các hướng khác nhau dưới sự hướng dẫn của người thầy. Sinh viên tìm cách nâng cao sức thuyết phục khi trình bày các quan điểm khác nhau và quan điểm riêng của mình do đã nhận thức rõ tầm quan trọng của chứng cứ và lý luận. Sinh viên có khả năng chấp nhận người khác có thể không đồng ý với cái

¹ Huỳnh Hữu Tuệ. “Tư duy phản biện trong học tập đại học”, *Bản tin ĐHQG Hà Nội*, số 232 tháng 6 năm 2010. news.vnu.edu.vn/btdhqghn/Vietnamese

nhìn của họ và không nhầm mắt tuân thủ tuyệt đối ý kiến của người thầy sau khi đã phân tích kỹ, đánh giá vấn đề với tư duy phản biện. Sinh viên bắt đầu nhìn người thầy của mình với tư cách là một người hướng dẫn có trình độ và cũng là một người đồng hành trong lĩnh vực tư duy, chứ không phải là một người không hề mắc sai lầm, người thầy có thể có quan điểm khác quan điểm của mình. Điều này có nghĩa là nhận thức của SV ở mức độ khá bắt đầu tiến tới cấp độ phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề. Sau khi “Phân tích” (phân loại được vấn đề, đặt các giả thuyết hoặc tìm ra các luận điểm, luận cứ, bằng chứng liên quan bằng cách đối chiếu, so sánh, kiểm tra), SV có thể “Tổng hợp” (hợp nhất, kết hợp các ý kiến, thiết kế các biện pháp, phát triển vấn đề, tạo ra cái mới) và tiến hành “Đánh giá” (khen ngợi, phê phán dựa vào các tiêu chuẩn cụ thể, diễn giải các bằng chứng một cách có hệ thống). Ở mức độ khá, bên cạnh tinh thần phản biện, SV bắt đầu có khả năng phản biện.

2.4. Mức độ giỏi, xuất sắc

Sinh viên có khả năng khởi xướng hoạt động mới hoặc kết hợp nhiều hoạt động khác nhau, kết hợp được các kỹ năng khác nhau, có thể tạo ra cái mới dựa trên cái cũ. Đây là cấp độ sáng tạo trong nhận thức. Ở mức độ này SV sẽ thể hiện rõ ràng các cách tiếp cận vấn đề khác nhau, có quan điểm cá nhân rõ ràng, có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân và có cách tiêu hóa kiến thức riêng cũng như vận dụng kiến thức để đưa ra những lựa chọn hay những quyết định của mình, chủ động thực hiện điều mình ưa thích sau khi đã cân nhắc, lựa chọn, kết hợp mục tiêu mới với các mục tiêu khác theo thứ tự ưu tiên. Với

những SV xuất sắc sẽ có khả năng tạo ra mẫu hoạt động mới (cái mới hoàn toàn). Ở mức độ giỏi, xuất sắc SV thường có tư duy phản biện.

3. Hình thành tư duy phản biện

Để một SV bình thường bước đầu có tư duy phản biện đòi hỏi người giảng viên phải trải qua một số bước:

3.1. Bước 1: Thúc đẩy SV suy nghĩ theo lối phản biện:

- Khuyến khích SV suy nghĩ độc lập và đặt các loại câu hỏi khác nhau trước một vấn đề đặt ra cần



giải quyết. Buộc họ phải tự đặt câu hỏi trước một vấn đề đặt ra;

- Hướng dẫn SV hỏi đúng trọng tâm, biết cách đặt câu hỏi đúng chỗ, đúng lúc;

- Khêu gọi trong SV sự mong muốn tìm hiểu sự thật;

- Yêu cầu SV đưa ra nhận xét cá nhân, xét đoán hoặc đánh giá vấn đề ngay tại lớp;

- Yêu cầu SV giải thích lý do, lập luận, chứng minh cho quan điểm của mình;

- Khuyến khích SV xem xét cả mặt tích cực lẫn tiêu cực, mặt phải, mặt trái của một vấn đề;

- Giúp SV tìm ví dụ để hỗ trợ cho đánh giá của họ về một vấn đề;

- Đưa thông tin phản hồi cho SV.

3.2. Bước 2: Dạy SV tư duy phản biện:

- Khuyến khích SV hoài nghi khoa học, phân biện hoài nghi khoa học với “ngại ngờ tất cả”, không tin vào bất cứ điều gì, không tin bất cứ người nào;

- Yêu cầu SV đặt ra các giả thuyết khác nhau, phương án khác nhau để giải quyết cùng một vấn đề đặt ra;

- Hướng dẫn SV gạt bỏ những giả thiết sai, có lỗi hoặc mơ hồ;

- Khuyến khích SV hướng đến cái mới, sự đổi mới;

- Yêu cầu SV khi lập luận phải bảo đảm không vi phạm các quy tắc logic, nhận diện được các dạng ngụy biện, bảo đảm biết chắc chắn về những dữ kiện, khái niệm;

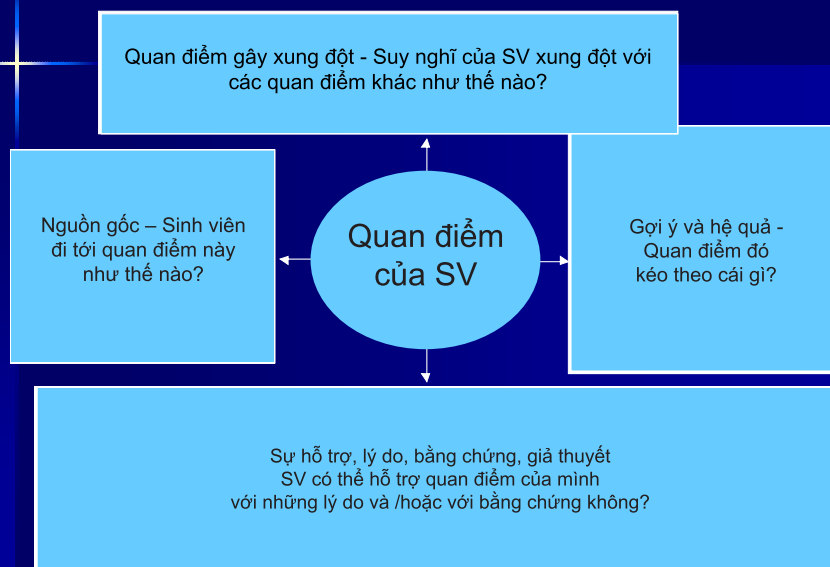
- Yêu cầu SV xem xét kỹ mọi vấn đề, mọi thông tin liên quan, kiểm tra giả định của mình trước khi đi đến kết luận hoặc ra quyết định. Bảo đảm là kết luận rút ra một cách logic từ giả thiết;

- Đòi hỏi SV quan tâm đến sự chính xác, sử dụng ngôn ngữ chính xác để khẳng định kết luận của mình. Tránh được trường hợp đưa ra các khẳng định mà không thể chứng minh được.

- Khuyến khích SV tranh luận (một cách lịch sự) ngay trên lớp, trong lúc làm việc nhóm. Biết tôn trọng người khác trong khi tranh luận. Không chấp nhận ý kiến của người khác một cách mù quáng và có tinh thần cởi mở với các quan điểm khác nhau; Biết quan tâm tới quan điểm của người khác và biết chấp nhận ý kiến lạ, ngược quan điểm của mình;

- Hỗ trợ SV kiểm tra cơ sở suy nghĩ của họ, hỗ trợ phân biệt cái tốt và cái xấu;

Thảo luận theo phương pháp Socrates



- Tổ chức thảo luận theo phương pháp Socrat.

3.3. Bước 3: *Đòi hỏi SV rèn luyện tư duy phản biện một cách có ý thức:*

- Giảng viên phải ra các bài tập và lường trước các tình huống cần lập luận, tạo môi trường thuận lợi để SV trình bày suy nghĩ, tạo cơ hội để SV đưa ra lập luận của mình;

- Nâng dần độ khó của bài tập, cho SV nhận ra rằng các bài tập khó là những thử thách thú vị;

- Khi SV suy luận, nhận xét, đánh giá đòi hỏi họ phải đưa ra bằng chứng, chứng minh;

- Buộc SV phải tập truyền đạt ý tưởng, quan điểm và giải pháp cho người khác một cách rõ ràng.

- Yêu cầu SV đặt mình vào vị trí của người có lợi ích, quyền lợi, tình cảm, định kiến, truyền thống khác, ... để xem xét vấn đề;

- Yêu cầu SV khi trình bày các vấn đề phải tôn trọng các dữ liệu đã thu thập được; phải quan sát một cách hệ thống, lặp lại nhiều lần, điều tra theo đúng các yêu cầu

khoa học (nếu có).

- Yêu cầu SV xác định rõ ràng mục đích khi xem xét một vấn đề nào đó, xác định các khía cạnh, các mặt, các mối liên hệ quan trọng của vấn đề và tổng hợp các kết quả đã thu được.

Khi giảng dạy môn học kỹ năng Tư duy phản biện, giảng viên thường gặp khó khăn khi nhận thức của phần đông SV thường dừng lại ở mức độ thấp (cấp độ “Biết”) và mức độ trung bình “Hiểu” và “Vận dụng” trong quá trình học nhiều môn học khác. Tư duy của SV đã quen với kiểu tiếp nhận tri thức một cách thụ động và cảm thấy hài lòng/thỏa mãn với kết quả đạt được. Họ học thuộc lòng những tri thức được truyền dạy, làm cho chúng định hình thành những con đường trong suy nghĩ và trong hành động vì vậy khi ra trường họ chỉ làm được những việc đã được học và làm đúng theo những cái được dạy, họ không tự đổi mới được tri thức của mình. Hoặc có những SV ham hiểu biết nên tiếp

nhận bất kỳ một tri thức nào mà họ quan tâm nên biết nhiều, biết rộng và có thể nói về rất nhiều vấn đề nhưng lại không làm nên được một việc gì cụ thể. Nguyên nhân chính là tri thức thì có nhiều nhưng nhưng lại ở mức “hiểu ít” và những tri thức trong một hệ thống để có thể làm được một việc cụ thể lại không đủ. Vì vậy nếu nhìn ở góc độ tư duy phản biện thì SV chưa có tư duy phản biện hoặc có thể có tinh thần phản biện nhưng hoàn toàn chưa có khả năng phản biện.

Trong thực tế việc hình thành thói quen sẵn sàng động não, suy luận và đánh giá trong khi tiếp nhận tri thức không thể chỉ với một môn học 30 tiết là có ngay được. Những hoạt động này của não bộ phải là thường xuyên với tất cả các môn học khác nhau và thực hiện trong suốt quá trình học đại học cũng như sau khi tốt nghiệp đi làm thì SV mới có khả năng phản biện chứ không dừng lại ở tinh thần phản biện. Trên cơ sở này, họ sẽ hình thành tư duy độc lập vững vàng, luôn luôn sẵn sàng lắng nghe, và trước khi chấp nhận bất cứ ý kiến nào hoặc trước khi đưa ra quyết định hành động, sẽ chủ động phân tích và đánh giá, đưa ra được những nhận định, phán đoán hợp lý cho hoạt động thực tiễn, từ đó hình thành một phong cách tư duy phản biện trong cuộc sống.

4. Nâng cao nhận thức của SV

Để khắc phục khó khăn nêu ở trên và nâng cao dần mức độ nhận thức của từng SV người giảng viên có thể sử dụng một số biện pháp

sau:

4.1. Yêu cầu SV nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, những mặt thiếu hụt về tư duy của bản thân, tự nhận diện năng lực tư duy của mình. Từng cá nhân SV phải tự đánh giá được năng lực tư duy của mình để từ đó thấu hiểu về chính mình, đánh giá được đúng năng lực của bản thân. Biết thừa nhận những hạn chế của cá nhân mà không sa vào trạng thái tự ti. Trên cơ sở này, SV tìm một vị trí phù hợp với khả năng của mình trong hoạt động nhóm, có cái nhìn tích cực về điểm yếu để tìm cách khắc phục và xác định được mình có thể đóng góp gì có ích cho nhóm, cho tập thể.

Ví dụ có thể giúp SV tự đánh giá năng lực nhận thức của mình bằng các tiêu chí về khả năng ghi nhớ, năng lực hành vi, năng lực tư duy.

Khả năng ghi nhớ của SV thể hiện qua tốc độ ghi nhớ, lĩnh vực ghi nhớ, hình thức ghi nhớ, lượng thông tin về sự vật, sự việc được ghi nhớ. Sinh viên tự đánh giá bản thân mình ghi nhớ nhanh hay chậm về đối tượng trong một đơn vị thời gian, ghi nhớ về đối tượng dưới dạng hình ảnh hay tiếng nói, có thể tổng hợp và hoàn thiện thông tin về đối tượng ghi nhớ ở mức độ nào? Có thể sàng lọc thông tin và dự đoán những thông tin có thể có của đối tượng hay không?

Năng lực hành vi của bản thân từng SV được đánh giá theo từng cặp hành vi: mạnh mẽ - yếu đuối; khéo léo - vụng về; nhanh nhẹn - chậm chạp; kiên trì, bền bỉ - nhanh buồn chán, mệt mỏi; cương quyết - mềm mỏng; đúng đắn - lệch lạc; thẳng thắn - lắt léo; trung thực - dối trá; mạnh dạn - e dè; can đảm - nhút nhát; hấp tấp - bình tĩnh; đơn giản - phức tạp; cẩn thận - cầu thả;

vô tư - toan tính...

Giảng viên giúp SV phân loại hành vi nào thuộc về bản năng, hành vi nào hình thành trong quá trình sinh sống, giao tiếp xã hội, tích lũy kinh nghiệm.

Năng lực tư duy: Từng SV tự đánh giá xem bản thân có 3 năng lực quan trọng nhất của tư duy là tư duy kinh nghiệm, tư duy sáng tạo và tư duy lý luận hay không.

Những SV có tư duy kinh nghiệm sẽ thể hiện rõ ràng qua việc sử dụng kinh nghiệm đã có vào việc giải quyết các vấn đề hiện tại. Các vấn đề này có thể là mới hoặc là các vấn đề đã từng giải quyết. Nếu là các vấn đề đã từng giải quyết, thì quá trình tư duy sẽ đi theo đúng con đường mà quá trình tư duy trước đã trải qua. Nếu vấn đề có những điểm khác biệt thì bỏ qua các điểm khác biệt đó để đưa về vấn đề đã giải quyết để áp dụng các kinh nghiệm đó. Đây là phương pháp giải quyết vấn đề mới bằng kinh nghiệm cũ, đi tìm đáp án cho câu hỏi “vấn đề này thuộc sự giải quyết của kinh nghiệm nào?” Nếu không có kinh nghiệm thì vấn đề đó sẽ không được giải quyết.

Những SV có tư duy sáng tạo không sử dụng kinh nghiệm mà vận dụng các kinh nghiệm, đi tìm đáp án cho câu hỏi: “Có những kinh nghiệm nào có thể áp dụng được cho việc giải quyết vấn đề này?” và sẽ lục tìm trong kinh nghiệm để tìm các phương án khả thi và chọn ra phương án tốt nhất trong các phương án được tìm ra. Đây là phương pháp giải quyết vấn đề theo cách “khác trước và tốt hơn”. Vì vậy tư duy sáng tạo có thể giải quyết được một số vấn đề không hoàn toàn thuộc các kinh nghiệm đã có trên cơ sở kết hợp hoặc vận dụng kinh nghiệm, điều

mà tư duy kinh nghiệm không thực hiện được.

Những SV có tư duy lý luận không xác định vấn đề một cách đơn giản mà đánh giá sự cần thiết hay sự phù hợp của vấn đề đặt ra với hoàn cảnh hiện tại và trong tương lai. Tư duy lý luận có tầm nhìn rộng hơn, bao quát hơn, thấy được nhiều mối quan hệ hơn, vì vậy tư duy lý luận có thể tìm được cách giải quyết mới chưa có trong kinh nghiệm. Tư duy lý luận có thể mở đường cho tư duy sáng tạo. Giá trị của tư duy lý luận cũng có thể kết thúc nhưng thời gian thường kéo dài và có không ít sản phẩm của tư duy lý luận là tồn tại vĩnh cửu.

Giảng viên cần phải giúp SV phân biệt được rằng tư duy kinh nghiệm và tư duy sáng tạo đều bắt nguồn từ hiện thực, phải có sự kích thích tương ứng từ bên ngoài để kích hoạt quá trình tư duy, trong khi đó tư duy lý luận cũng cần phải có sự kích thích, nhưng các kích thích đó không bắt buộc phải có nguồn gốc từ các kích thích bên ngoài. Có nhiều trường hợp một quá trình tư duy lý luận bắt nguồn từ một quá trình tư duy khác, đi sâu vào quá trình tư duy chứ không đi tới sự thể hiện các hành vi. Quá trình tư duy lý luận có thể có rất nhiều mục tiêu. Khi đã đạt được một mục tiêu thì có thể xuất hiện thêm nhiều mục tiêu khác và quá trình tư duy lý luận sẽ diễn ra liên tục. Khi một quá trình tư duy lý luận đang diễn ra, hệ thần kinh có thể ngừng hoặc hạn chế sự tiếp nhận các kích thích thần kinh hiện tại từ bên ngoài. Điều này dẫn đến hiện tượng được gọi là “đăng trí” và nó làm suy giảm đáng kể sự ghi nhớ về hiện tại. Ngoài ra, một khi tư duy lý luận đã tạo ra các con đường bền vững trong não bộ thì việc sử dụng lý luận trong tư duy

thực chất chỉ là tư duy kinh nghiệm chứ không phải là quá trình tư duy lý luận nữa. Lý luận trong trường hợp này chỉ là tài nguyên của tư duy. Tính phức tạp của lý luận dẫn đến sự nhầm lẫn giữa việc sử dụng lý luận đã có với tư duy lý luận. Vì vậy, khi một người sử dụng lý luận chưa thể bảo đảm chắc chắn rằng người đó đã có tư duy lý luận. Tư duy lý luận là phương thức hoạt động trí tuệ cấp cao và việc vận dụng lý luận thường diễn ra trong môi trường của phương thức hoạt động sáng tạo. Tư duy lý luận luôn đòi hỏi lập luận, chứng minh. Nếu là nhà khoa học, tư duy lý luận sẽ đi liền với tư duy khoa học, tư duy phân biện và đòi hỏi năng lực quan sát, đối chiếu, so sánh, thí nghiệm, thử nghiệm, suy luận tốt.

4.2. Ra các bài tập luyện tập để nâng cao dần cấp độ chỉ số EQ (Emotion quotient) của SV (chỉ số thông minh xúc cảm, đặc trưng cho sự thông minh tâm hồn²) trong khi tranh luận với người khác, chế ngự được cảm xúc của mình, có đầu óc cởi mở, thích ứng tốt với sự thay đổi. Sinh viên sẽ hiểu được tại sao mọi người lại giữ một số niềm tin nào đó và không áp đặt người khác phải suy nghĩ giống mình, để đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu họ hơn :

- Cấp độ 1 (nhận biết cảm xúc): khả năng có thể nhận biết đúng cảm xúc của bản thân mình và cảm xúc của những người xung quanh.

- Cấp độ 2 (hiểu được cảm xúc): khả năng hiểu và thấu cảm được các loại cảm xúc, đồng thời biết nguyên nhân và hậu quả của các loại cảm xúc ấy.

- Cấp độ 3 (tạo ra cảm xúc): khả

năng diễn tả và đáp lại các cảm xúc của người khác, thông qua đó, biết lắng nghe, thông cảm và chia sẻ với người khác.

- Cấp độ 4 (quản lý cảm xúc): khả năng tự quản lý được cảm xúc của mình, cư xử hợp lý để dễ dàng hòa đồng vào tập thể.

- Kiểm nghiệm những nhận định của bản thân.

Tóm lại, việc dạy và tăng cường rèn luyện kỹ năng tư duy phân biện cho SV là hết sức cần thiết. Môn học kỹ năng Tư duy phân biện sẽ giúp SV trưởng thành nhanh về mặt nhận thức, sẽ cởi mở hơn với



4.3. Ra các bài tập luyện tập liên quan chặt chẽ đến khả năng phân biện để SV có thể:

- Nhìn nhận mọi vấn đề không bị rập khuôn, không phán đoán tình huống một cách hấp tấp, vội vàng. Nhận diện dễ dàng các dạng ngụy biện trong thực tế.

- Vận dụng, tuân thủ các nguyên tắc, quy luật logic của tư duy.

- Đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề quan trọng cũng như là hệ thống hóa các ý tưởng, quan điểm, giải pháp của mình và trình bày chúng một cách mạch lạc, rõ ràng.

- Thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải thích các thông tin một cách hiệu quả.

- Suy nghĩ một cách chín chắn, suy luận bằng nhiều cách thức khác nhau, lập luận để rút ra được kết luận và giải pháp hợp lý cho các vấn đề khi đánh giá chúng dựa trên những tiêu chuẩn liên quan.

các quan điểm khác nhau, tự khắc phục được sự thiên vị và khuynh hướng thiên lệch trong tư duy của bản thân, có khả năng giám sát các cảm giác và cảm xúc của bản thân và hiểu cảm xúc của người khác, có khả năng sử dụng các thông tin nhằm định hướng suy nghĩ và hành động của mình ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bài giảng của GS. Paul Bott tại lớp huấn luyện Phương pháp giảng dạy hiện đại tổ chức tại UEF vào tháng 07/2011.

Bùi Loan Thùy & Phạm Đình Nghiệm (2012), *Giáo trình Kỹ năng tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề*, UEF.

Huỳnh Hữu Tuệ, “Tư duy phân biện trong học tập đại học”, *Bản tin ĐHQG Hà Nội*, số 232 tháng 6 năm 2010. news.vnu.edu.vn/btdhqghn/Vietnamese

<http://www.criticalthinking.org>

Nhận diện tư duy, tusach.thuvienkhoaoc.com/wiki/Nhận_diện_tư_duy
vnexpress.net/gl/khoa_hoc

² Quan điểm của nhà tâm lý học Peter Salovey đại học Yale Hoa kỳ đầu thập kỷ 90. vnexpress.net/gl/khoa_hoc